

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-PT
Ngày 13-03-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Các Thẩm phán: Ông Hà Viết Toàn và bà Đinh Thị Như Phượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 102/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Trung T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Trung T**, sinh ngày 07/9/1979, tại xã C, huyện Ph, tỉnh Bình Định. Nơi ĐKKHKT: tổ dân phố 03, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công chức địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường xã Lơ Ku, huyện K; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình Đ và bà Hồ Thị H, có vợ Trương Thị Diễm Tr và 02 con sinh năm 2009 và năm 2012; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2019 đến nay. Có mặt

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1974;

- Ông Trần Văn Th, sinh năm 1973

Cùng trú tại: tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Đều có mặt.

- Ông Trần Xuân Th, sinh năm 1978

- Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1981

Cùng trú tại: thôn 2, xã Lơ Ku, huyện K, tỉnh Gia Lai. Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trung T là công chức Địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường xã Lơ Ku, huyện K. Quá trình công tác, T có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để gây khó khăn, sau đó đòi và nhận tiền của hai hộ dân là ông Trần Xuân Th và bà Phạm Thị Tr trên địa bàn xã Lơ Ku trong quá trình làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận một phần tiền, T mới tiến hành hướng dẫn và làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Gia đình ông Trần Xuân Th có diện tích đất rẫy rộng 41.810,0m² tại khu vực suối Cọp thuộc thôn 2, xã Lơ Ku, nguồn gốc đất do ông Th và ông Nguyễn Văn B khai hoang. Khoảng tháng 7/2017 do cần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng nên ông Th đã gặp Trần Trung T yêu cầu cung cấp hồ sơ làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 10/2017 ông Th tiếp tục gọi điện giục T làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì T nói với ông Th phải đưa cho T số tiền 12 triệu đồng. Sau đó ông Th đã ghi âm một số cuộc gọi giữa ông và T về việc T đòi đưa tiền khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông Th có dẫn T đi đo đất để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề nghị giảm bớt tiền nhưng T nói quá trình làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th có nhiều khó khăn nên không đồng ý, sau đó ông Th đã đưa cho T số tiền 01 triệu đồng, ông Th có làm công phát cỏ rẫy cho T với số tiền 02 triệu đồng, cả hai thống nhất tổng số tiền 03 triệu đồng được trừ vào số tiền 12 triệu đồng mà ông Th phải đưa cho T, số tiền còn lại ông Th sẽ đưa cho T sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi đo đất, T đã xác lập và hoàn thiện một bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th và chuyển đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Trong lúc chờ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Th nhận thấy việc đưa tiền cho T như trên là sai nên chủ động phản ánh đến Ủy ban nhân dân huyện và tố cáo hành vi đòi và nhận hối lộ để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T đến Công an huyện K.

Bà Phạm Thị Tr và chồng là Trần Văn Th có diện tích đất rẫy rộng 53.434m² tại thôn 1, xã Lơ Ku, nguồn gốc là do gia đình bà Tr nhận chuyển nhượng (có giấy viết tay), qua công ty tư vấn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất của bà Tr không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Tr thấy nhiều hộ dân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà Tr thì không có nên đến gặp T và hỏi cách để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì T nói phải làm bằng tiền. Bà Tr gọi điện thoại hỏi T số tiền phải làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì T nói là 13 triệu, thấy cao quá nên bà Tr trả giá xuống còn 12 triệu, cả hai thống nhất số tiền 12 triệu, bà Tr hứa đưa trước cho T một nửa, số tiền còn lại bà Tr sẽ đưa đủ sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Tr có ghi âm cuộc gọi thể hiện nội dung này. T đến nhà bà Tr nhận tiền, bà Tr đưa cho T số tiền 5 triệu đồng, bà Tr nói T viết giấy nhận tiền nhưng T không viết mà chỉ nhận tiền rồi đi ra khỏi nhà. Sau khi nhận tiền T đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nguồn gốc đất khai hoang và chuyển hồ sơ đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất

đại huyện K. Vì quá trình làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kéo dài mà không có kết quả, bà Tr nghĩ nếu không đưa tiền thì T không làm, vì cần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà Tr phải đưa tiền để T làm hồ sơ. Nhận thấy việc đưa tiền là sai nên bà Tr đã chủ động báo cáo đến cơ quan chức năng.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 30/2019/HSST ngày 01-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Trung T phạm tội “Nhận hối lộ”

Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 354; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Trần Trung T 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù Th từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, tuyên hình phạt bổ sung, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của bị cáo:

Ngày 11/11/2019 bị cáo kháng cáo đề nghị thay đổi tội danh xem xét lại toàn bộ nội dung bản án hình sự sơ thẩm.

Bản án không bị kháng nghị; không ai khác kháng cáo.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo với lý do trước đây bị cáo nghĩ bản thân đang trong thời gian đi học và nhận thêm việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Tr, gia đình bà Th là làm dịch vụ nên khi bị xét xử bị cáo khai ra hành vi nhưng thấy không có tội. Trong thời gian qua bị cáo đã tìm hiểu và được các Luật sư giải thích rõ quy định của pháp luật về hành vi bị cáo đã thực hiện nên bị cáo thấy tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội nhận hối lộ là đúng, bị cáo thấy ân hận về hành vi phạm tội của mình nên ngoài số tiền trước đây đã nộp lại thì bị cáo có nhờ các Luật sư tác động gia đình bồi thường thêm khoản tiền 3.000.000đ bù đắp cho gia đình ông Tr, bà Th. Bị cáo xin lỗi gia đình ông Tr, bà Th và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác nhận lời khai nhận tội của bị cáo đúng như hành vi phạm tội bị cáo thực hiện và bản án sơ thẩm đã tuyên. Nay bị cáo nhận tội và biết xin lỗi nên các ông bà đều nhất trí xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với số tiền 3.000.000đ bị cáo bồi thường thêm thì các ông bà ghi nhận thiện chí của bị cáo nhưng không nhận tiền. Điều không có ý kiến, không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, tuyên bố bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ”. Xử bị cáo mức án 3 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng xin giảm nhẹ hình phạt và rút kháng cáo các vấn đề còn lại: Xét việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và đình chỉ xem xét các nội dung đã rút kháng cáo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo có đơn trình bày và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng trình bày về việc thay đổi nội dung kháng cáo theo hướng bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm, bị cáo thấy cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội nhận hối lộ là đúng, bị cáo thấy ân hận về hành vi phạm tội của mình nên ngoài số tiền trước đây đã nộp lại thì bị cáo có nhờ các Luật sư tác động gia đình bồi thường thêm khoản tiền 3.000.000đ bù đắp cho gia đình ông Tr, bà Th. Bị cáo xin lỗi gia đình ông Tr, bà Th và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Xét lời khai bị cáo phù hợp với lời khai những người có liên quan và phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo Trần Trung T là Công chức Địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường xã Lor Ku, huyện K có nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực đất đai, nông nghiệp và xây dựng trên địa bàn. Tuy nhiên khi ông Trần Xuân Th và bà Phạm Thị Tr có yêu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị cáo nhiều lần gây khó khăn, kéo dài thời gian, đòi các ông bà trên phải đưa tiền cho mỗi lần T thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.000.000đ. Ông Th đã đưa cho T 03 triệu, số tiền này ông Th đưa tiền mặt 01 triệu đồng còn lại trừ 02 triệu của hai lần ông Th đi phát rẫy cho T và bà Tr đã đưa cho T 05 triệu. Phần còn lại ông Th, bà Tr thỏa thuận sẽ đưa sau khi T hoàn thành thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền như trên T đã thực hiện các thủ tục, các tài liệu phù hợp để xác lập quyền sử dụng đất và chuyển hồ sơ đến chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Cũng trong thời gian này ông Th, bà Tr thấy việc đưa tiền cho T là sai nên đã làm đơn tố cáo T. Như vậy, hành vi của bị cáo T là sách nhiễu, đòi hối lộ và đã nhận tiền của hai người là ông Th và bà Tr. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm đ, g khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[3] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội và thể hiện sự ăn năn hối cải bằng cách xin lỗi ông Th, bà Tr và tác động gia đình bồi thường cho ông Th, bà Tr 03 triệu đồng để hỗ trợ thêm cho những người này, mặc dù ông Th, bà Tr chỉ ghi nhận việc bồi thường này và không nhận tiền nhưng xét đây là sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường ngoài số tiền trước đây đã nhận nên Hội đồng xét xử coi đây là các tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại, ăn năn hối cải theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phía ông Th, bà Tr đều nhất trí xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều

51 Bộ luật hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh trong giai đoạn phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét Th chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, số tiền của bị cáo chiếm đoạt của ông Th, bà Tr là không lớn, xem xét các tình tiết giảm nhẹ ở giai đoạn sơ thẩm, các tình tiết mới phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm thấy rằng bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục sửa chữa sai lầm nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với việc bị cáo nhờ vợ là chị Trương Thị Diễm Trinh bồi thường cho phía ông Th, bà Tr số tiền 3.000.000đ. Do ông Th, bà Tr chỉ ghi nhận thiện chí và không nhận tiền nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xác định tư cách tham gia tố tụng của chị Trinh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do án sơ thẩm bị sửa nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015,

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 354; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 41, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Trần Trung T 3 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”, thời hạn tù Th từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/02/2019.

2. Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Trung T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Tr tạm giam T20;
- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hồng